Họ và tên: ……

Lớp: ……..

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 2

Môn: Toán – Lớp 5

Bộ sách: Chân trời sáng tạo

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (*Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng*)

Câu 1. *Hai nghìn không trăm linh năm đơn vị, tám mươi sáu phần trăm* viết là:

A. 20058,6 **B.** 20,0586 **C.** 2005,86 **D.** 2005,086

Câu 2. Phân số $\frac{725}{10}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,0725 **B.** 0,725 **C.** 7,25 **D.** 72,5

Câu 3. Số bé nhất trong các số sau là:

A. 1,363 **B.** 1,342 **C.** 1,753 **D.** 1,865

Câu 4. Phép nhân nhẩm 28,964 x 100 có kết quả là:

A. 289,64 **B.** 2896,4 **C.** 2,8964 **D.** 0,28964

Câu 5. Một cái bánh chưng cân nặng 0,6 kg, một cái bánh tét cân nặng 0,8 kg. Hỏi 8 cái bánh chưng và 2 cái bánh tét như vậy nặng tất cả bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 6,4 kg **B.** 7,6 kg **C.** 14 kg **D.** 4,8 kg

Câu 6. Bác Chu cắt một tấm kính dạng hình thang có độ dài hai đáy là 60 cm và 12 dm; chiều cao là 40 cm để làm mặt bàn. Diện tích tấm kính làm mặt bàn đó là:

A. 3 600 dm^2 **B.** 3 600 cm^2 **C.** 7 200 dm^2 **D.** 1 440 cm^2

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính giá trị biểu thức (tính bằng cách thuận tiện nếu có thể)

a) (8,76 + 0,45) : 5 – 1,37

b) 6,7 x 6 – 7,8 x 2 + 8,35

……

……

……

c) 1,25 x 2,5 x 36 x 0,4 x 80

d) 24,7 x 0,6 – 0,6 x 4,7

……

……

……

Câu 2. Điền số thập phân thích hợp vào chỗ trống.

a) 5 509g = ... kg

b) 7 465 m = ...km

c) 8 700 m^2 = ... ha

d) 3km^2 9 ha = ... km^2

Câu 3. Tính diện tích phần màu xanh trong hình dưới đây, biết độ dài cạnh của hình vuông là 12 cm.

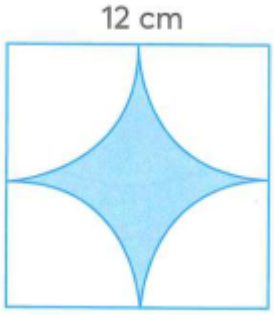

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Hai kho có 235,8 tấn gạo. Số gạo trong kho thứ nhất bằng $\frac{4}{5}$ số gạo trong kho thứ hai. Hỏi mỗi kho có bao nhiêu tấn gạo?

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. *Hai nghìn không trăm linh năm đơn vị, tám mươi sáu phần trăm* viết là:

A. 20058,6 **B.** 20,0586 **C.** 2005,86 **D.** 2005,086

Phương pháp

Muốn viết số thập phân, trước hết viết phần nguyên, viết dấu phẩy, sau đó viết phần thập phân.

Lời giải

Hai nghìn không trăm linh năm đơn vị, tám mươi sáu phần trăm viết là: 2005,86

Đáp án: C

Câu 2. Phân số $\frac{725}{10}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,0725 **B.** 0,725 **C.** 7,25 **D.** 72,5

Phương pháp

Chuyển phân số thập phân về dạng hỗn số rồi viết số thập phân.

Lời giải

Ta có $\frac{725}{10} = 72\frac{5}{10} = 72,5$

Đáp án: D

Câu 3. Số bé nhất trong các số sau là:

A. 1,363 **B.** 1,342 **C.** 1,753 **D.** 1,865

Phương pháp

So sánh các số để xác định số bé nhất.

Lời giải

Số bé nhất trong các số đã cho là: 1,342

Đáp án: B

Câu 4. Phép nhân nhẩm 28,964 x 100 có kết quả là:

A. 289,64 **B.** 2896,4 **C.** 2,8964 **D.** 0,28964

Phương pháp

Muốn nhân một số thập phân với 10; 100; 1 000; ...ta chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba, ... chữ số.

Lời giải

Ta có 28,964 x 100 = 2896,4

Đáp án: B

Câu 5. Một cái bánh chưng cân nặng 0,6 kg, một cái bánh tét cân nặng 0,8 kg. Hỏi 8 cái bánh chưng và 2 cái bánh tét như vậy nặng tất cả bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 6,4 kg **B.** 7,6 kg **C.** 14 kg **D.** 4,8 kg

Phương pháp

- Tìm cân nặng của 8 cái bánh chưng
- Tìm cân nặng của 2 cái bánh tét
- Tìm tổng cân nặng của 8 cái bánh chưng và 2 cái bánh tét

Lời giải

Cân nặng của 8 cái bánh chưng là: 0,6 x 8 = 4,8 (kg)

Cân nặng của 2 cái bánh tét là: 0,8 x 2 = 1,6 (kg)

Cân nặng của 8 cái bánh chưng và 2 cái bánh tét là: 4,8 + 1,6 = 6,4 (kg)

Đáp án: A

Câu 6. Bác Chu cắt một tấm kính dạng hình thang có độ dài hai đáy là 60 cm và 12 dm; chiều cao là 40 cm để làm mặt bàn. Diện tích tấm kính làm mặt bàn đó là:

A. 3 600 dm^2 **B.** 3 600 cm^2 **C.** 7 200 dm^2 **D.** 1 440 cm^2

Phương pháp

- Đổi về đơn vị cm
- Diện tích hình thang = (đáy lớn + đáy bé) x chiều cao : 2

Lời giải

Đổi: 12 dm = 120 cm

Diện tích tấm kính làm mặt bàn đó là: (120 + 60) x 40 : 2 = 3 600 (cm^2)

Đáp án: B

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính giá trị biểu thức (tính bằng cách thuận tiện nếu có thể)

a) (8,76 + 0,45) : 5 – 1,37 b) 6,7 x 6 – 7,8 x 2 + 8,35

c) 1,25 x 2,5 x 36 x 0,4 x 80 d) 24,7 x 0,6 – 0,6 x 4,7

Phương pháp

a) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước

b) Thực hiện phép tính nhân trước rồi đến phép tính cộng, trừ

c) Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân

d) Áp dụng công thức a x b – a x c = a x (b – c)

Lời giải

a) (8,76 + 0,45) : 5 – 1,37 = 9,21 : 5 – 1,37

= 1,842 – 1,37

= 0,472

b) 6,7 x 6 – 7,8 x 2 + 8,35 = 40,2 – 15,6 + 8,35

= 24,6 + 8,35

= 32,95

c) 1,25 x 2,5 x 36 x 0,4 x 80 = (1,25 x 80) x (2,5 x 0,4) x 36

= 100 x 1 x 36

= 3 600

d) 24,7 x 0,6 – 0,6 x 4,7 = 0,6 x (24,7 – 4,7) = 0,6 x 20 = 12

Câu 2. Điền số thập phân thích hợp vào chỗ trống.

a) 5 509g = ... kg

b) 7 465 m = ...km

c) 8 700 m^2 = ... ha

d) 3km^2 9 ha = ... km^2

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 g = $\frac{1}{1000}$ kg ; 1 m = $\frac{1}{1000}$ km

1m^2 = $\frac{1}{10000}$ ha ; 1 ha = $\frac{1}{100}$ km^2

Lời giải

a) 5 509g = **5,509** kg

b) 7 465 m = **7,465** km

c) 8 700 m^2 = **0,87** ha

d) 3km^2 9 ha = **3,09** km^2

Câu 3. Tính diện tích phần màu xanh trong hình dưới đây, biết độ dài cạnh của hình vuông là 12 cm.

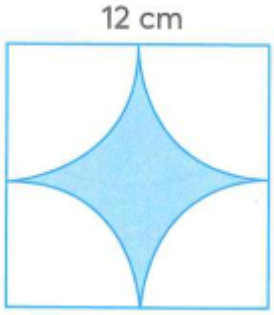

Phương pháp

- Tìm diện tích hình vuông

- Tìm diện tích hình tròn có bán kính 6 cm

- Diện tích phần màu xanh = diện tích hình vuông - diện tích hình tròn có bán kính 6 cm

Lời giải

Diện tích hình vuông là:

12 x 12 = 144 (cm^2)

Diện tích hình tròn có bán kính 6 cm là:

$6 \times 6 \times 3,14 = 113,04$ (cm^2)

Diện tích phần màu xanh là:

$144 - 113,04 = 30,96$ (cm^2)

Đáp số: 30,96 cm^2

Câu 4. Hai kho có 235,8 tấn gạo. Số gạo trong kho thứ nhất bằng $\frac{4}{5}$ số gạo trong kho thứ hai. Hỏi mỗi kho có bao nhiêu tấn gạo?

Phương pháp

- Vẽ sơ đồ
- Tìm tổng số phần bằng nhau
- Tìm giá trị của 1 phần
- Tìm số tấn gạo ở mỗi kho

Lời giải

Ta có sơ đồ:

Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$4 + 5 = 9$ (phần)

Giá trị của 1 phần là:

$235,8 : 9 = 26,2$

Kho thứ nhất có số tấn gạo là:

$26,2 \times 4 = 104,8$ (tấn)

Kho thứ hai có số tấn gạo là:

$235,8 - 104,8 = 131$ (tấn)

Đáp số: Kho thứ nhất: 104,8 tấn

Kho thứ hai: 131 tấn